

SỞ GD&ĐT QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THPT TRẦN KỲ PHONG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027

(Lần thứ nhất)

STT	SBD	Họ tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Ghi chú
16	030013	PHẠM THỊ TRÂM ANH	Nữ	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A5	
25	030024	NGUYỄN HOÀNG BẢO BẢO	Nam	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A5	
29	030028	NGUYỄN THỊ KHÁNH BĂNG	Nữ	16/01/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A5	
33	030033	ĐẶNG NGUYỄN BÍCH CHÂU	Nữ	10/03/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A5	
40	030040	VÕ NGỌC MINH CHÂU	Nữ	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A5	
53	030053	BÙI MINH DANH	Nam	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A5	
59	030059	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỄM	Nữ	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A5	
66	030066	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A5	
109	030113	NGUYỄN NGỌC BẢO HÂN	Nữ	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A5	
133	030144	NGUYỄN TRẦN GIA HUY	Nam	22/12/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A5	
149	030165	NGUYỄN TẤN HÙNG	Nam	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A5	
151	030168	TRẦN QUỐC HÙNG	Nam	26/02/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A5	
157	030176	VÕ TRỌNG KHA	Nam	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A5	
162	030182	LÊ QUANG KHANG	Nam	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A5	
163	030183	NGUYỄN BẢO KHANG	Nam	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A5	
184	030206	TRẦN QUANG KHIÊM	Nam	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A5	
204	030226	NGUYỄN ANH KHÔI	Nam	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A5	
206	030228	NGUYỄN MINH KHÔI	Nam	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A5	
212	030235	ĐỖ HÀ KHƯƠNG	Nam	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A5	
214	030237	NGUYỄN HỮU KIÊN	Nam	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A5	
215	030238	BÙI TẤN KIẾT	Nam	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A5	
221	030244	LÊ NGUYỄN ANH KIẾT	Nam	21/09/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A5	
223	030246	NGUYỄN ANH KIẾT	Nam	31/07/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	10A5	
231	030254	PHẠM THIÊN KIM	Nữ	20/04/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A5	
234	030257	HỒ VIỆT LÂM	Nam	05/07/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A5	
236	030259	HUỖNH CÔNG LẬP	Nam	29/10/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A5	
255	030282	NGUYỄN QUANG MINH	Nam	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A5	
279	030310	PHẠM NGỌC NAM	Nam	26/07/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A5	
288	030320	LÊ THỊ KIM NGÂN	Nữ	14/11/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A5	
307	030342	NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT	Nữ	25/12/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A5	
311	030346	NGÔ TRỌNG NHÂN	Nam	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A5	
314	030350	NGUYỄN HOÀNG MINH NHẬT	Nam	20/04/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A5	
340	030381	THỐI NGỌC NI NI	Nữ	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A5	
356	030400	LÊ HUỖNH ANH PHÚC	Nam	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A5	
364	030408	TRẦN NGUYỄN THU PHƯƠNG	Nữ	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A5	
386	030433	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	16/04/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A5	

395	030443	NGUYỄN OAI SÂM	Nam	23/11/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A5	
403	030452	TRƯƠNG NGUYỄN DUY TÂN	Nam	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A5	
405	030454	VÕ HÀ KỲ TÂN	Nam	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A5	
478	030536	TRẦN HUỖNH THANH TRÚC	Nữ	23/01/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A5	
491	030549	LÊ CÔNG ANH TUẤN	Nam	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A5	
494	030552	TRƯƠNG NGỌC MINH TUỆ	Nữ	08/09/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A5	
513	030573	ĐINH THỊ HỒNG VY	Nữ	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A5	

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Bích Chiêu

A1	A2	A3	A4	A5	A6	A7	A8	A9	A10
40	40	40	40	43	39	39	38	39	41

A11	A12	A13
42	43	48